

Đơn vị báo cáo: Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại

Địa chỉ: TT Phả Lại - Huyện Chí Linh

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1 082 628 129 778	1 094 283 585 707	1 082 628 129 778	1 094 283 585 707
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1 082 628 129 778	1 094 283 585 707	1 082 628 129 778	1 094 283 585 707
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	900 551 299 232	787 961 775 992	900 551 299 232	787 961 775 992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		182 076 830 546	306 321 809 715	182 076 830 546	306 321 809 715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	135 361 575 188	35 437 896 280	135 361 575 188	35 437 896 280
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	63 175 019 456	38 524 408 655	63 175 019 456	38 524 408 655
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48 948 895 296	38 524 408 655	48 948 895 296	38 524 408 655
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19 026 824 350	18 827 952 546	19 026 824 350	18 827 952 546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		235 236 561 928	284 407 344 794	235 236 561 928	284 407 344 794
11. Thu nhập khác	31		729 264 830	729 449 739	729 264 830	729 449 739
12. Chi phí khác	32		1 357 833 892	872 921 871	1 357 833 892	872 921 871
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(628 569 062)	(143 472 132)	(628 569 062)	(143 472 132)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30+40)	50		234 607 992 866	284 263 872 662	234 607 992 866	284 263 872 662
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	30 202 084 173		30 202 084 173	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		204 405 908 693	284 263 872 662	204 405 908 693	284 263 872 662
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN QUANG HUY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THẾ SƠN



NGUYỄN KHẮC SƠN